

Số: /KH-UBND

Đại Phước, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) của xã Đại Phước giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh về Nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ tình hình thực tiễn về chuyển đổi số trên địa bàn xã Đại Phước thời gian qua, UBND xã Đại Phước ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) của xã Đại Phước giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tại địa phương, phát huy vai trò người đứng đầu trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số thực chất.

- Nâng cao năng lực quản trị số, kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn xã.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phát triển chuyển đổi số của xã Đại Phước.

2. Yêu cầu

- Triển khai kịp thời, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn của xã.

- Xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu; bảo đảm mỗi chỉ tiêu có bộ phận chịu trách nhiệm chính.

- Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã nâng cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số chuyển đổi số thuộc lĩnh vực phụ trách; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan

trọng, cấp bách và chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, UBND và Ban Chỉ đạo xã về kết quả thực hiện.

- Tiếp tục phát huy, duy trì các chỉ số đã đạt được; đồng thời tập trung cải thiện các chỉ số còn hạn chế. Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng ngành, bộ phận trong triển khai các giải pháp nâng cao các nhóm chỉ tiêu chưa đạt, bảo đảm hoàn thành mục tiêu trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Các ngành, cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch hành động cụ thể; phân công rõ trách nhiệm đối với từng chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai thực hiện hiệu quả. Đồng thời, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, số liệu kiểm chứng bảo đảm tính pháp lý phục vụ công tác đánh giá theo quy định; tăng cường phối hợp triển khai đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số; kịp thời báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc để xem xét tháo gỡ và đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Phân đấu đưa chỉ số chuyển đổi số (DTI) của xã Đại Phước vào nhóm 10 đơn vị cấp xã/phường có thứ hạng cao nhất của tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu cụ thể: theo Phụ lục chi tiết kèm theo Kế hoạch này (*đính kèm*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hoạt động Chính quyền số

- Rà soát, chuẩn hóa và số hóa quy trình nội bộ của 100% dịch vụ công đủ điều kiện, đặc biệt là các thủ tục có tần suất phát sinh hồ sơ cao đề xuất chuyển đổi lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Phân đấu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đến năm 2030 đạt 100%.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp và trực tuyến để người dân thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đồng thời triển khai chiến dịch hỗ trợ, phân đấu 100% người dân đến giao dịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện.

- Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

2. Rà soát cải thiện các chỉ số chưa đạt, còn thấp

a) Hạ tầng, nền tảng số

- Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng AI và nền tảng số dùng chung trên các lĩnh vực thiết yếu và cấp bách (y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường, hành chính công,...).

- Tập trung rà soát và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo cho việc triển khai, khai thác các nền tảng, hệ thống dùng chung và chuyển đổi số.

b) Nhân lực số

- Mỗi cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã bảo đảm bố trí tối thiểu 02 công chức, viên chức (01 Lãnh đạo, 01 chuyên môn) về công nghệ thông tin, chuyển đổi số triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp, đặc biệt cho nhóm người cao tuổi, yếu thế để tăng tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng Bình dân học vụ số.

- Thường xuyên rà soát kiện toàn thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo nguồn lực, nhân lực chất lượng để thực thi nhiệm vụ.

c) An toàn thông tin

- Hệ thống thông tin của xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (cấp độ 1) và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt.

- Yêu cầu 100% máy vi tính làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị xã phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (Cyradar) tỉnh triển khai kết nối thông tin về Trung tâm giám sát của Công an tỉnh.

- 100% tài khoản sử dụng trên các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, Trung ương triển khai phải đảm bảo đặt mật khẩu an toàn và thay đổi định kỳ.

3. Duy trì, cải thiện chỉ số DTI

a) Chính quyền số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền đạt 90%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 95%.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt trên 90%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%.

- Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ quan đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất đạt 100%.

b) Kinh tế số

- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tiểu thương, hội kinh doanh trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số đạt trên 60%.

- Tăng cường truyền thông, hỗ trợ thủ tục để người dân, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tiểu thương, hộ kinh doanh tiếp cận, đăng ký và sử dụng rộng rãi tên miền ".vn".

c) Xã hội số

- Tập trung triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số cho người dân, tập trung vào các kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến, giao dịch an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân.

- Triển khai chiến dịch phổ cập chữ ký số cá nhân cho người dân và doanh nghiệp, nâng tỷ lệ đạt theo kỳ vọng 50% trong năm 2026 và 70% đến năm 2030.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm; đồng thời lồng ghép các chương trình chuyển đổi số và huy động nguồn lực hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, các ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Thực hiện thu thập số liệu, tài liệu kiểm chứng từ các đơn vị được giao chủ trì thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; tổng hợp số liệu đánh giá các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số, báo cáo UBND xã, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch trước ngày 25 hằng tháng; đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả chỉ số chuyển đổi số của xã theo định kỳ để kịp thời chỉ đạo.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về chỉ số DTI chung của xã.

2. Các cơ quan, ban, ngành, Công an xã, Đoàn TNCS HCM xã; các trường trên địa bàn xã

- Căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp tại **Phụ lục** của Kế hoạch này, nghiêm túc tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá chỉ số DTI theo yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về chỉ tiêu, điểm số của các chỉ tiêu được giao chủ trì thực hiện.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, các ngành liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo (khi có yêu cầu từ đơn vị chủ trì). Chịu trách nhiệm trước đơn vị chủ trì về chỉ tiêu, điểm số của các chỉ tiêu được giao phối hợp.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, các ngành liên quan được giao chủ trì tại **Phụ lục**, thực hiện báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình, kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) trước ngày 20 hằng tháng để tổng hợp đánh giá chung vào kết quả của xã.

Trên đây là Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) của xã Đại Phước giai đoạn 2026-2030. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ nghiêm túc triển khai hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy xã; TT. HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Cơ quan, đơn vị; các ngành xã;
- Đoàn TNCS HCM xã;
- Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân;
- Chánh, các PVP HĐND-UBND xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Các ấp; Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Lưu: VT, VX, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Chí Thảo

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DTI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đại Phước)

I. NHÓM CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ XÃ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN (06)

STT	CHỈ SỐ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NĂM 2026	ĐẾN NĂM 2030	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN
01	Các cơ quan, đơn vị, các ngành xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	100% cơ quan, đơn vị, các ngành xã có 02 công chức phụ trách chuyển đổi số	100%	Phân công 01 lãnh đạo, 01 công chức, viên chức có chuyên môn thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị
02	Tỷ lệ công chức, viên chức phụ trách về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị xã	Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	Phần đầu đạt 10%/tổng số cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị xã	100%	Kiện toàn sơ đồ tổ chức, ban hành quy chế hoạt động cho mạng lưới đơn vị chuyên trách/đầu mối chuyển đổi số tại các cơ quan.
03	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính xã	Trên 80%	100%	Thường xuyên khảo sát, ghi nhận ý kiến từ doanh nghiệp và người dân để cải tiến giao diện Cổng Dịch vụ công; đảm bảo quy trình nộp hồ sơ trực tuyến đơn giản, dễ hiểu, thực hiện được hoàn toàn trên diện thoại thông minh.
04	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục	100%	100%	Định kỳ chiết xuất dữ liệu từ hệ thống để thống kê tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của từng

			hành chính xã			đơn vị; kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các trường hợp "trực tuyến nửa vời" (vẫn yêu cầu người dân mang bản chính đến đối chiếu).
05	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính xã	100%	100%	Gắn kết quả thống kê tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình với việc đánh giá chỉ số hài lòng của người dân; công khai bảng xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số của các đơn vị trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.
06	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Phòng VH-XH; Công an xã	Các cơ quan, đơn vị xã; Đoàn Thanh niên, các ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng	Trên 70% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	90%	Trực tiếp quản lý, chỉ đạo và huy động các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp/khu phố thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản (sử dụng smartphone, cài đặt ứng dụng, nộp hồ sơ trực tuyến); người dân tham gia học chương trình bình dân học vụ số trên nền tảng của Bộ Công an.

II. NHÓM CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ XÃ CHỦ TRÌ PHỐI HỢP CẤP TRÊN THỰC HIỆN (13)

STT	Chỉ số	Cơ quan chủ trì triển khai của cấp trên	Cơ quan phối hợp của xã	Cơ quan theo dõi và tổng hợp của xã	Năm 2026	Đến năm 2030	Nhiệm vụ phối hợp thực hiện
01	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã liên quan khai thác, cập nhật dữ liệu dùng chung	Phòng VH-XH	Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được công nhận đạt chuẩn	100%	Chủ động làm sạch dữ liệu từng ngành “đúng-đủ-sạch-sống”; cập nhật dữ liệu định kỳ, khai thác, tái sử dụng đồng bộ, thống nhất theo thời gian thực
02	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Sở KH&CN	Phòng VH-XH; Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã liên quan sử dụng nền tảng	Phòng VH-XH	Ứng dụng 9/9 nền tảng theo hướng dẫn và triển khai của cấp trên	100%	Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; đánh giá hiệu quả định kỳ các nền tảng này
03	Mức độ ứng dụng AI	Sở KH&CN	Phòng VH-XH; Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước	100%	Triển khai hiệu quả các trợ lý AI do cấp trên triển khai trong hoạt động chuyên môn và phục vụ người dân, doanh nghiệp.
04	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Sở KH&CN	Phòng VH-XH; Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	100%	100%	Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo hàng năm; phối hợp các chuyên gia tổ chức các

							khóa tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, an toàn thông tin và an ninh mạng cho đội ngũ nòng cốt tại các sở, ngành
05	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số	Công an tỉnh	Công an xã; Các cơ quan, đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	100% công dân đủ điều kiện (công dân đã được cấp căn cước/căn cước công dân, có sử dụng điện thoại thông minh)	100%	Triển khai Chương trình hành động phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
06	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và an ninh mạng, an ninh mạng	Công an tỉnh	Phòng VH-XH; Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; Văn phòng HĐND-UBND	Phòng VH-XH	100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ	100%	Chủ động đề xuất phê duyệt, cung cấp thông tin phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và an ninh mạng của hệ thống thông tin về Công an tỉnh theo quy định
07	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng, an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt	Công an tỉnh	Phòng VH-XH; Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; Văn phòng HĐND-UBND	Phòng VH-XH	100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ	100%	Rà soát triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng theo hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt
08	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn	Công an tỉnh	Phòng VH-XH; Trung tâm Phục vụ hành chính	Phòng VH-XH	100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp	100%	Phối hợp triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và

	thông tin và an ninh mạng, an ninh mạng định kỳ		công xã; Văn phòng HĐND-UBND; các cơ quan có sử dụng hệ thống thông tin của UBND xã		độ		an ninh mạng, an ninh mạng định kỳ
09	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Sở Tài chính	Phòng Kinh tế, Các cơ quan, đơn vị xã	Phòng Kinh tế	Đạt trên 1%	3%	Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho CNTT và chuyển đổi số, đảm bảo tỷ lệ chi không thấp hơn mức quy định của Chính phủ (thường là tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước).
10	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Sở KH&CN	Phòng Kinh tế, Các cơ quan, đơn vị xã	Phòng Kinh tế	Đạt trên 20%	30%	Rà soát thực hiện cung cấp số liệu để thống kê và đánh giá đóng góp của kinh tế số vào GRDP tỉnh; đề xuất giải pháp thúc đẩy các ngành kinh tế trọng điểm (công nghiệp, dịch vụ) chuyển đổi số
11	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao	Công an tỉnh	Công an xã; Đoàn thanh niên, các ấp, Tổ công nghệ	Công an xã;	100%	100%	Triển khai tổ chức thu nhận hồ sơ, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định

	dịch điện tử		số cộng đồng				danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho 100% công dân đủ điều kiện từ 14 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh.
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Đoàn TNCS HCM tỉnh	Đoàn thanh niên xã, các ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng VH-XH	Trên 30% dân số trưởng thành có chữ ký số	70%	Triển khai hoạt động của Đoàn thanh niên làm nòng cốt trong các Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức các chiến dịch ra quân tình nguyện để trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng chữ ký số cá nhân.
13	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Trạm Y tế; Đoàn Thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng VH-XH	100%	100%	Phối hợp với các cơ sở y tế (công lập và tư nhân) trên địa bàn tỉnh thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế lên Hệ thống thông tin giám định BHYT để đồng bộ sang ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử (VNeID hoặc ứng dụng chuyên ngành).